

UBND TỈNH TUYẾN QUANG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 686/QĐ-ĐHTT ngày tháng năm
của Hiệu trưởng trường Đại học Tân Trào)*

Tên chương trình: Giáo dục mầm non

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Ngành đào tạo: Giáo dục mầm non

Mã số: 51140201

Loại hình đào tạo: Chính quy

Năm 2022

MỤC LỤC

	Trang
1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	4
1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo.....	4
1.2. Thông tin về chương trình đào tạo.....	5
2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH.....	5
2.1. Tầm nhìn - Sứ mạng - Mục tiêu giáo dục của Trường Đại học Tân Trào.....	5
2.1.1. Tầm nhìn.....	5
2.1.2. Sứ mạng.....	5
2.1.3. Mục tiêu giáo dục	5
2.2. Tầm nhìn - Sứ mạng của Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non.....	6
2.2.1. Tầm nhìn.....	6
2.2.2. Sứ mạng.....	6
2.3. Mục tiêu của chương trình.....	6
3. CHUẨN ĐẦU RA.....	7
4. VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ KHẢ NĂNG PHÁT TRIỂN NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ.....	8
5. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP	9
5.1. Thông tin tuyển sinh.....	9
5.2. Quy trình đào tạo.....	9
5.3 Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp.....	8
6. ĐỘI NGŨ VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY.....	9
6.1. Đội ngũ giảng viên.....	9
6.2. Cơ sở vật chất	9
7. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP.....	10
7.1. Các phương pháp dạy học	10

7.2. <i>Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học</i>	12
8. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ.....	13
8.1. <i>Quy trình đánh giá</i>	13
8.2. <i>Hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá</i>	14
9. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH.....	15
9.1. <i>Khối lượng kiến thức toàn khóa</i>	15
9.2. <i>Ma trận chuẩn đầu ra chương trình đào tạo</i>	16
9.3. <i>Nội dung chương trình</i>	22
9.4. <i>Kế hoạch giảng dạy</i>	29
9.5. <i>Bản đồ dạy học</i>	34
9.6. <i>Tóm tắt nội dung học phần</i>	34
10. SO SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	46
11. PHÊ DUYỆT BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO/THỜI ĐIỂM ĐIỀU CHỈNH BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	47
12. PHỤ LỤC.....	48
12.1. <i>Bản Chương trình đào tạo được phê duyệt</i>	
12.2. <i>Bộ Đề cương chi tiết học phần</i>	
12.3. <i>Hồ sơ xây dựng chuẩn đầu ra (phiếu khảo sát, bảng tổng hợp ý kiến các bên liên quan, biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Quyết định ban hành Chuẩn đầu ra)</i>	
12.4. <i>Hồ sơ xây dựng chương trình đào tạo (Phiếu khảo sát, bảng tổng hợp ý kiến các bên liên quan, biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Quyết định ban hành Chương trình đào tạo)</i>	
12.5. <i>Hồ sơ tham khảo các chương trình trong nước và quốc tế (Báo cáo tổng hợp, các chương trình tham khảo)</i>	

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non (GDMN) là một trong hai ngành đào tạo do Khoa Giáo dục Tiểu học và Mầm non quản lí. CTĐT cập nhật, chỉnh sửa năm 2022 được xây dựng trên cơ sở tham khảo CTĐT của một số trường đại học, cao đẳng trong nước hiện đang đào tạo ngành GDMN; Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13, Luật Giáo dục số 43/2019/QH14, ngày 14/6/2019; Quyết định số 1982/QĐ-TTg, ngày 18/10/2016 về Khung trình độ quốc gia Việt Nam; Quyết định số 1107/QĐ-ĐHTT ngày 19/11/2020 về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tân Trào.

- Đảm bảo chất lượng, sự đầu tư chuyên sâu cho từng bài giảng của giảng viên, đảm bảo sự hướng đích Chuẩn đầu ra của ngành đào tạo cho từng bài giảng; Tăng cường công tác đổi mới phương pháp dạy học theo nguyên tắc: Phương pháp dạy học của giảng viên góp phần lớn trong việc phát triển các năng lực cho sinh viên và gây ảnh hưởng tích cực cho sinh viên đối với việc lựa chọn, sử dụng các phương pháp dạy học trong công tác dạy học ở mầm non sau này; Thúc đẩy trong sinh viên tinh thần tự học, sáng tạo, chủ động trong việc học tập, rèn luyện, phát triển các kĩ năng cho bản thân; Tài liệu giảng dạy đã được lựa chọn đảm bảo tính cập nhật, tiềm năng đối với việc hướng đích mục tiêu giảng dạy từng học phần của chương trình đào tạo; Các chương trình đào tạo được rà soát, điều chỉnh định kì, cơ bản phù hợp với yêu cầu của xã hội (định kì 2 năm chương trình được rà soát, điều chỉnh 1 lần). Chương trình đào tạo được điều chỉnh, rà soát theo hướng giảm tính hàn lâm, tăng cường ứng dụng, thực hành, gia tăng sự kết nối, tích hợp giữa các môn học, các nội dung học tập.

- Việc rèn nghề, thực hành nghề nghiệp của sinh viên được chú trọng trong đào tạo trên cơ sở khai thác sự phối hợp, hỗ trợ tối đa của các cơ sở giáo dục mầm non trong, ngoài tỉnh; Chú trọng các môn học tiềm năng cho việc phát triển năng lực hội nhập quốc tế, các kĩ năng xã hội cần đối với giáo viên mầm non (ngoại ngữ, công nghệ thông tin, kĩ năng tổ chức sự kiện, kĩ năng mềm,..).

- Hàng năm, tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn của ngành Giáo dục mầm non đạt tỉ lệ cao; tỉ lệ sinh viên tìm được việc làm đúng chuyên môn sau khi tốt nghiệp hàng năm là trên 90%. Mạng lưới cựu sinh viên ngành Giáo dục mầm non của Khoa được xây dựng từ hệ thống cán bộ các lớp đến giáo viên chủ nhiệm và trợ lí sinh viên của Khoa,...Mạng

lưới hoạt động có hiệu quả trong việc kết nối, hỗ trợ, giúp đỡ sinh viên các cơ hội việc làm, cơ hội khởi nghiệp sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.

1.2. Thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chương trình (Tiếng Việt): Giáo dục mầm non
- Tên chương trình (Tiếng Anh): Preschool Education
- Mã ngành đào tạo: 51140201
- Đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Tân Trào
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp: Cử nhân ngành Giáo dục mầm non
- Trình độ đào tạo: Cao đẳng
- Thời gian đào tạo: 3 năm

2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH^(*)

Mục tiêu của chương trình đào tạo được xây dựng phù hợp với Tầm nhìn - Sứ mạng - Mục tiêu chiến lược của Trường Đại học Tân Trào; tương thích, phù hợp với Tầm nhìn - Sứ mạng của Khoa Tiểu học – Mầm non, nhằm bồi dưỡng con người và phát triển nghiên cứu khoa học mang tính ứng dụng đáp ứng các nhu cầu xã hội.

2.1. Tầm nhìn - Sứ mạng - Mục tiêu giáo dục của Trường Đại học Tân Trào

2.1.1. Tầm nhìn: Đại học Tân Trào sẽ trở thành một trung tâm phát triển bền vững, làm biến đổi cuộc sống và phục vụ cộng đồng.

2.1.2. Sứ mạng: Đại học Tân Trào là cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế và cung cấp các sản phẩm, dịch vụ nâng cao chất lượng cuộc sống và xây dựng đất nước.

2.1.3. Mục tiêu giáo dục: Đào tạo người học có kiến thức và kỹ năng chuyên môn của chuyên ngành được đào tạo một cách vững chắc và thực tiễn, có phẩm chất chính trị, có đạo đức tốt, đáp ứng các chuẩn mực cần thiết của người lao động trong nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN và theo xu thế hội nhập nền kinh tế thế giới. Người học được trang bị các kiến thức cơ sở ngành đào tạo để có khả năng nghiên cứu, cập nhật công nghệ mới, khả năng tự học suốt đời trong môi trường công tác sau khi ra trường; có kỹ năng thực hành chuyên sâu và chuyên nghiệp của chuyên ngành được đào tạo, đủ khả năng hành nghề, khả năng tạo việc làm và phát triển sự nghiệp; được trang bị các kỹ năng

và phẩm chất của người lao động hiện đại, chú trọng các kỹ năng giao tiếp, kỹ năng hợp tác làm việc nhóm, sự tự tin và chủ động trong vị trí công tác được xã hội phân công.

2.2. Tầm nhìn - Sứ mạng của Khoa GD Tiểu Học – Mầm non

2.2.1. Tầm nhìn: Khoa Giáo dục Tiểu học - Mầm non sẽ trở thành đơn vị đào tạo giáo viên có chất lượng cao đáp ứng yêu cầu đổi mới, hội nhập của nền giáo dục hiện đại; là đơn vị mạnh trong nghiên cứu, tư vấn và định hướng về khoa học giáo dục trong khu vực và cả nước.

2.2.2. Sứ mạng: Khoa Giáo dục Tiểu học - Mầm non là địa chỉ tin cậy về đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế về các lĩnh vực thuộc chuyên ngành đào tạo, để cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành giáo dục.

2.3. Mục tiêu của chương trình

- Mục tiêu chung

Đào tạo giáo viên mầm non có đủ phẩm chất chính trị, năng lực và sức khỏe để thực hiện tốt các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ đáp ứng yêu cầu của chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non; có ý thức phục vụ cộng đồng, thích ứng với những biến đổi của xã hội và của ngành giáo dục mầm non trước yêu cầu hội nhập quốc tế.

- Mục tiêu cụ thể

MT1: Có kiến thức về lý luận chính trị, quốc phòng, an ninh, ngoại ngữ và công nghệ thông tin.

MT2: Vận dụng kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành, kiến thức bổ trợ vào việc tổ chức, giám sát, đánh giá các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ tại các cơ sở giáo dục mầm non.

MT3: Thực hiện thành thạo việc lập kế hoạch tổ chức, quản lý các hoạt động chăm sóc, giáo dục và đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non; có năng lực nghiên cứu khoa học và phát triển chương trình giáo dục mầm non.

MT4: Tổ chức quản lý nhóm lớp theo quy định; xử lý linh hoạt, hiệu quả các tình huống sư phạm; phối hợp với gia đình, nhà trường, xã hội tuyên truyền, thực hiện tốt xã hội hóa giáo dục; giao tiếp, ứng xử với trẻ, đồng nghiệp, phụ huynh một cách cởi mở, chân thành trên tinh thần hợp tác, chia sẻ.

MT5: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, tự chịu trách nhiệm để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; yêu nghề, yêu trẻ, biết động viên, khích lệ trẻ trong quá trình giáo dục; tôn trọng trẻ, đồng nghiệp và cha mẹ trẻ.

3. CHUẨN ĐẦU RA ^(**)

Sinh viên tốt nghiệp ngành Giáo dục mầm non đạt được những chuẩn đầu ra sau:

Mã CDR	Nội dung CDR
Về kiến thức	
CDR 1	Vận dụng những kiến thức về lý luận chính trị, quốc phòng – an ninh, giáo dục thể chất trong hoạt động nghề nghiệp và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước
CDR 2	Vận dụng được mối liên hệ những kiến thức cơ bản thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, công nghệ thông tin, ngoại ngữ với các môn thuộc chuyên ngành giáo dục mầm non.
CDR 3	Xây dựng mục tiêu, nội dung, phương pháp tổ chức các hoạt động phát triển thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm và kỹ năng xã hội, thẩm mỹ, các hoạt động chủ đạo phù hợp với lứa tuổi trong quá trình lập kế hoạch chăm sóc giáo dục trẻ mầm non.
CDR 4	Áp dụng có hiệu quả kiến thức khoa học GDMN vào việc tổ chức, quản lý các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ ở các đối tượng, các loại hình trường, lớp mầm non khác nhau.
Về kỹ năng	
<i>Kỹ năng cứng</i>	
CDR 5	Thiết kế các hoạt động chăm sóc giáo dục, xây dựng môi trường giáo dục, lựa chọn và sử dụng hợp lý các học liệu, phương pháp giáo dục - dạy học theo hướng phát huy tính tích cực của trẻ.
CDR 6	Xây dựng các công cụ thu thập và phân tích dữ liệu đánh giá sự phát triển của trẻ, đánh giá kết quả lao động sự phạm của bản thân và đồng nghiệp để kịp thời điều chỉnh kế hoạch chăm sóc giáo dục trẻ.
CDR 7	Thực hiện nghiên cứu sự phạm ứng dụng trong giáo dục mầm non và phát triển chương

	trình giáo dục mầm non.
<i>Kỹ năng mềm</i>	
CĐR 8	Tổ chức quản lý nhóm lớp theo quy định; xử lý linh hoạt, hiệu quả các tình huống sư phạm; phối hợp với gia đình, nhà trường, xã hội tuyên truyền, thực hiện tốt xã hội hóa giáo dục; giao tiếp, ứng xử với trẻ, đồng nghiệp, phụ huynh một cách cởi mở, chân thành trên tinh thần hợp tác, chia sẻ.
CĐR 9	Vận dụng linh hoạt các chương trình giáo dục của nước ngoài phù hợp với điều kiện thực tiễn.
CĐR 10	Sử dụng tin học và ngoại ngữ trong các hoạt động chuyên môn thông thường; đạt tối thiểu trình độ công nghệ thông tin cơ bản được quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT, trình độ tiếng Anh bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam (hoặc tương đương).
Về mức độ tự chủ và trách nhiệm	
CĐR 11	Làm việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; tin tưởng vào năng lực chuyên môn của bản thân; có ý chí khắc phục khó khăn để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.
CĐR 12	Thực hiện đúng các quy định về đạo đức nhà giáo, yêu nghề, say mê, tận tụy với công việc; yêu trẻ, tôn trọng trẻ, có tinh thần trách nhiệm cao với trẻ.

4. VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ KHẢ NĂNG PHÁT TRIỂN NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ

(**)

4.1. Về vị trí việc làm

- Giáo viên tại các cơ sở giáo dục mầm non.
- Làm việc trong các cơ quan, tổ chức có liên quan với đối tượng hoạt động là trẻ mầm non.
- Tư vấn viên, nghiên cứu viên về chuyên môn, nghiệp vụ giáo dục mầm non.

4.2. Về khả năng phát triển và nâng cao trình độ

- Các chương trình bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về giáo dục mầm non.

- Tham gia học các chương trình đào tạo nâng cao về chuyên ngành giáo dục mầm non và chuyên ngành gần.

5. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP ()**

5.1. Thông tin tuyển sinh

- Đối tượng tuyển sinh: học sinh đã tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương, đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo đề án tuyển sinh hàng năm của Nhà trường.

- Phương thức tuyển sinh: theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

- Vùng tuyển sinh: cả nước.

5.2. Quy trình đào tạo

Thực hiện theo Quyết định số 1107/QĐ-ĐHTr ngày 19/11/2020 về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tân Trào.

5.3. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp

Thực hiện theo Quyết định số 1107/QĐ-ĐHTr ngày 19/11/2020 về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tân Trào.

6. ĐỘI NGŨ VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY

6.1. Đội ngũ giảng viên

Đội ngũ giảng viên của chuyên ngành Giáo dục mầm non được quy hoạch, tuyển dụng đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ giảng viên có năng lực chuyên môn cao, tích cực tham gia vào các loại hình nghiên cứu khoa học khác nhau và xã hội hóa kết quả nghiên cứu. Khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên đều được đo lường đánh giá, đáp ứng yêu cầu của công tác đào tạo.

6.2. Cơ sở vật chất

Nhà trường có cơ sở vật chất và thiết bị phục vụ hiện đại, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Nhà trường liên tục bổ sung thêm trang thiết bị và các cơ sở mới phục vụ hoạt động dạy và học.

7. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP ^(*)

7.1. Các phương pháp dạy học

a. Dạy học trực tiếp

Dạy học trực tiếp là chiến lược dạy học trong đó thông tin được chuyển tải đến với người học theo cách trực tiếp, giáo viên trình bày và sinh viên lắng nghe. Chiến lược dạy học này thường được áp dụng trong các lớp học truyền thống và tỏ ra có hiệu quả khi muốn truyền đạt cho người học những thông tin cơ bản, giải thích một kỹ năng mới.

Dạy học theo chiến lược dạy học trực tiếp, được Ngành GDMN lựa chọn chủ yếu ở phương pháp dạy học thuyết giảng (thuyết trình):

- Thuyết trình: Giáo viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giáo viên là người thuyết trình, diễn giảng. Sinh viên chỉ nghe giảng và thỉnh thoảng ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giáo viên truyền đạt.

b. Dạy học gián tiếp

Là chiến lược dạy học trong đó người học được tạo điều kiện trong quá trình học tập mà không cần có bất kỳ hoạt động giảng dạy công khai nào được thực hiện bởi giáo viên. Đây là tiến trình dạy học tiếp cận hướng đến người học, lấy người học làm trung tâm, trong đó giảng viên không trực tiếp truyền đạt nội dung bài học đến với sinh viên mà thay vào đó, sinh viên được khuyến khích tham gia tích cực trong tiến trình học, sử dụng kỹ năng tư duy phản biện để giải quyết vấn đề.

Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này được GDMN áp dụng gồm : Câu hỏi gợi mở (Inquiry), giải quyết vấn đề (Problem Solving), học theo tình huống (Case Study).

- Câu hỏi – gợi mở (Inquiry): Trong tiến trình dạy học, giáo viên sử dụng các câu hỏi gợi mở hay các vấn đề, và hướng dẫn giúp sinh viên từng bước trả lời câu hỏi. Sinh viên có thể tham gia thảo luận theo nhóm để cùng nhau giải quyết các vấn đề đặt ra.

- Giải quyết vấn đề (Problem Solving): Trong tiến trình dạy và học, người học làm việc với vấn đề được đặt ra và học được những kiến thức mới thông qua việc đối mặt với vấn đề cần giải quyết. Thông qua quá trình tìm giải pháp cho vấn đề đặt ra, sinh viên đạt được kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu của môn học.

- Học theo tình huống (Case Study): Đây là phương pháp hướng đến cách tiếp cận dạy học lấy người học làm trung tâm, giúp người học hình thành kỹ năng tư duy phản

biện, giao tiếp. Theo phương pháp này, giáo viên liên hệ các tình huống, vấn đề hay thách thức trong thực tế và yêu cầu sinh viên giải quyết, giúp sinh viên hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định cũng như kỹ năng nghiên cứu.

c. Học trải nghiệm

Học trải nghiệm là chiến lược dạy học trong đó người học tiếp nhận được kiến thức và kỹ năng thông qua những gì mà họ được trải nghiệm qua thực hành, thực tế quan sát và cảm nhận. Họ học thông qua làm và trải nghiệm.

Các phương pháp dạy học được GDMN áp dụng theo chiến lược dạy học này gồm: mô hình (Models), thực tập, thực tế, và nhóm nghiên cứu giảng dạy (Teaching Research Team)

- Mô hình (Models): là phương pháp dạy học trong đó, sinh viên thông qua việc quan sát và quá trình xây dựng, thiết kế mô hình mà giáo viên yêu cầu để đạt được nội dung kiến thức và kỹ năng được đặt ra.

- Thực tập, thực hành: Thông qua các hoạt động làm bài tập, thực tập, thực hành tại trường và tại cơ sở giáo dục mầm non để giúp sinh viên luyện tập kiến thức, hiểu được môi trường làm việc thực tế của ngành đào tạo sau khi tốt nghiệp, học hỏi các phương pháp làm việc chuyên nghiệp và văn hóa trường học. Phương pháp này không những giúp sinh viên hình thành kiến thức kỹ năng mà còn tạo cơ hội nghề nghiệp cho sinh viên sau khi tốt nghiệp.

- Nhóm nghiên cứu giảng dạy (Teaching Research Team): Sinh viên được khuyến khích tham gia vào các dự án, nhóm nghiên cứu và giảng dạy của giảng viên, giúp hình thành năng lực nghiên cứu và kỹ năng sáng tạo. Từ đó, tạo tiền đề cho sinh viên tiếp tục học tập cao hơn ở bậc học đại học, thạc sĩ, tiến sĩ sau khi hoàn thành chương trình đào tạo và tốt nghiệp.

d. Dạy học tương tác

Đây là chiến lược dạy và học trong đó, giáo viên sử dụng kết hợp nhiều hoạt động trong lớp học như đặt vấn đề hay câu hỏi gợi mở và yêu cầu sinh viên thảo luận, tranh luận để giải quyết vấn đề đó. Giáo viên với vai trò hướng dẫn sinh viên từng bước giải quyết vấn đề. Từ đó giúp sinh viên đạt được mục tiêu dạy học. Sinh viên có thể học từ bạn học hay từ giáo viên để phát triển các kỹ năng xã hội, kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp, đàm phán để đưa ra quyết định.

Các kỹ thuật, phương pháp được GDMN áp dụng theo chiến lược này gồm có: phương pháp thảo luận (Discussions), học nhóm (Peer Learning)

- Thảo luận (Discussion): Là phương pháp dạy học trong đó sinh viên được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được giáo viên đặt ra. Khác với phương pháp tranh luận, trong phương pháp thảo luận, người học với cùng quan điểm mục tiêu chung và tìm cách bổ sung để hoàn thiện quan điểm, giải pháp của mình.

- Học nhóm (Peer Learning): Sinh viên được tổ chức thành các nhóm nhỏ để cùng nhau giải quyết các vấn đề được đặt ra và trình bày kết quả của nhóm thông qua báo cáo hay thuyết trình trước các nhóm khác và giảng viên.

e. Tự học

Chiến lược tự học được hiểu là tất cả các hoạt động học của người học được thực hiện bởi các cá nhân người học với rất ít hoặc không có sự hướng dẫn của giáo viên. Đây là một quá trình giúp sinh viên tự định hướng việc học của mình theo kinh nghiệm học tập của bản thân, có quyền tự chủ và điều khiển hoạt động học của họ thông qua các bài tập, dự án hay vấn đề mà giáo viên gợi ý, hướng dẫn ở lớp.

Phương pháp học theo chiến lược này được GDMN áp dụng chủ yếu là phương pháp bài tập ở nhà (Work Assignment).

- Bài tập, câu hỏi về nhà (Work Assignment): Theo phương pháp này, sinh viên được giao nhiệm vụ làm việc ở nhà với những nội dung và yêu cầu do giáo viên đặt ra. Thông qua việc hoàn thành các nhiệm vụ được giao ở nhà này, sinh viên học được cách tự học, cũng như đạt được những nội dung về kiến thức cũng như kỹ năng theo yêu cầu.

7.2. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học

Chương trình đào tạo được rà soát định kỳ 2 năm/lần theo hướng điều chỉnh đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan

Có nhiều hình thức hỗ trợ người học trong nhiệm vụ rèn luyện kỹ năng, thái độ

Hàng kỳ các Bộ môn xây dựng kế hoạch dự giờ của giảng viên để chia sẻ kiến thức, phương pháp giảng dạy.

Thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về giảng viên.

Thường xuyên lấy ý kiến của các bên liên quan về nhu cầu sử dụng người học sau khi tốt nghiệp.

8. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ ()**

8.1. Quy trình đánh giá

Theo Điều 13, 14, 15, 16, Quyết định số 1107/QĐ-ĐHTT ngày 19/11/2020 của Trường Đại học Tân Trào về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên theo hệ thống tín chỉ.

CTĐT áp dụng đa dạng các phương pháp đánh giá. Tùy thuộc vào chuẩn đầu ra và phương pháp dạy-học của từng học phần, các phương pháp đánh giá phù hợp được lựa chọn nhằm đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin để đánh giá mức độ tiến bộ của sinh viên cũng như hiệu quả đạt được của tiến trình dạy và học.

Các phương pháp đánh giá được áp dụng trong CTĐT GDMN gồm đánh giá sự tham gia trên lớp (in-class participation), bài tập (work assignment), thuyết trình (oral presentation), đánh giá hoạt động (performance test), kiểm tra viết (written exam), kiểm tra trắc nghiệm (multiple-choice exam), bảo vệ và thi vấn đáp (oral exam), viết báo cáo (written report), đánh giá làm việc nhóm (peer assessment), báo cáo thực tập/khóa luận tốt nghiệp (graduation report/thesis). Áp dụng các phương pháp đánh giá phi truyền thống khác nhau thúc đẩy mức độ tư duy cao của sinh viên trong việc học. Hoạt động học tập của sinh viên được đánh giá theo các phương pháp phi truyền thống bằng cách sử dụng các phiếu đánh giá (rubrics) giúp sinh viên biết những gì họ được kỳ vọng trong mỗi tiêu chí đánh giá.

a) Đánh giá sự tham gia trên lớp (In-class participation): Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên của sinh viên cũng như những đóng góp của sinh viên trong học phần cũng phản ánh thái độ học tập của họ. Việc đánh giá chuyên cần không còn thực hiện một cách độc lập mà được kết hợp với đánh giá việc phát biểu xây dựng bài giảng trong giờ học.

b) Đánh giá bài tập (Work Assignment): Sinh viên được yêu cầu thực hiện một số nội dung liên quan đến bài học trong giờ học hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập này có thể được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm.

c) Đánh giá thuyết trình (Oral Presentation): Trong một số môn học thuộc CTĐT ngành Giáo dục Mầm non, sinh viên được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một vấn đề, tình huống hay nội dung liên quan đến bài học và trình bày kết quả của

nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này không những giúp sinh viên đạt được những kiến thức chuyên ngành mà còn giúp sinh viên phát triển các kỹ năng có thể chuyển đổi (transferable skills) như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm.

d) Đánh giá hoạt động (Performance test): Sinh viên được yêu cầu thực hiện một số hoạt động, kỹ thuật cụ thể theo các yêu cầu về kiến thức và kỹ năng của môn học.

e) Kiểm tra viết (Written Exam): Theo phương pháp đánh giá này, sinh viên được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, làm bài tập hay đưa ra ý kiến cá nhân về những vấn đề chủ yếu liên quan đến các chuẩn đầu ra về kiến thức của học phần.

f) Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple Choice Exam): Phương pháp đánh giá này tương tự như phương pháp kiểm tra viết, sinh viên được yêu cầu trả lời các câu hỏi liên quan dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Điểm khác là trong phương pháp đánh giá này sinh viên trả lời các câu hỏi yêu cầu dựa trên các gợi ý trả lời cũng được thiết kế và in sẵn trong đề thi.

g) Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam): Trong phương pháp đánh giá này, sinh viên được đánh giá thông qua phỏng vấn, hỏi đáp trực tiếp. Thời gian đánh giá được thực hiện định kỳ (giữa kỳ, cuối kỳ hoặc sau khóa học).

h) Viết Báo cáo (Written Report): Sinh viên được đánh giá thông qua sản phẩm báo cáo của sinh viên, bao gồm cả nội dung trình bày trong báo cáo, cách thức trình bày thuyết minh, bản vẽ/ hình ảnh trong báo cáo.

i) Đánh giá làm việc nhóm (Peer Assessment): Đánh giá làm việc nhóm được áp dụng khi triển khai hoạt động dạy học theo nhóm và được dùng để đánh giá kỹ năng làm việc nhóm của sinh viên.

j) Báo cáo thực tập/Khóa luận tốt nghiệp (Graduation Report/Thesis): Báo cáo thực tập tốt nghiệp hay khóa luận tốt nghiệp của sinh viên được đánh giá bởi giáo viên hướng dẫn và giáo viên phản biện bằng cách sử dụng các phiếu đánh giá (rubrics).

8.2. Hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá

8.2.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

8.2.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số	Tiêu chí đánh giá	CĐR	Điểm
-----------	------------------	-----------------	--------------------------	------------	-------------

		điểm		của HP	tối đa
Điểm thành phần 1: Trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, trọng số 40%					
1	Bài kiểm tra thường xuyên	40%	Học phần 2 tín chỉ: 01 điểm; Học phần 3 tín chỉ: 02 điểm; Học phần 4 hoặc 5 tín chỉ: 03 điểm		10
Điểm thành phần 2: Thi kết thúc học phần trọng số 60%					
2	Tự luận, thực hành...	60%	Theo đáp án và thang điểm đề thi kết thúc học phần		10

- Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm số, điểm chữ và xếp loại như sau:

	Thang điểm 10	Thang điểm 4		
		Điểm chữ	Điểm số	Xếp loại
Loại đạt	8,5-10	A	4	Giỏi
	8,0 – 8,49	B+	3,5	Khá
	7,0-7,99	B	3,0	Khá
	6,50 – 6,99	C+	2,5	Trung bình - Khá
	5,50-6,49	C	2	Trung bình
	5,0 – 5,49	D+	1,5	Trung bình
	4,0-5,49	D	1,0	Trung bình yếu
Loại không đạt	Dưới 4,0	F	0	Kém

9. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ^(**)

9.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa

105 tín chỉ (không kể Giáo dục thể chất 04 tín chỉ và Giáo dục Quốc phòng – An ninh: 9 tín chỉ), trong đó:

- Kiến thức giáo dục đại cương: 28 tín chỉ
- Kiến thức cơ sở ngành: 25 tín chỉ
- Kiến thức ngành: 38 tín chỉ
- Thực tập: 08 tín chỉ
- Khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp: 06 tín chỉ

9.2. Ma trận chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Các HP trong CTĐT		Chuẩn đầu ra											
Mã HP	Học phần	Kiến thức				Kỹ năng					TĐ, NLTC, TN		
						Cứng			Mềm				
		C Đ R 1	C Đ R 2	C Đ R 3	C Đ R 4	C Đ R 5	C Đ R 6	C Đ R 7	C Đ R 8	C Đ R 9	CD R1 0	CD R1 1	CD R1 2
A. Kiến thức giáo dục đại cương													
I. Lý luận chính trị													
LL3.1.040.3	Triết học Mác - Lênin	2											
LL3.1.041.2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2											
LL3.1.042.2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2											
LL3.1.043.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2											
LL3.1.044.2	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2											
II. Ngoại ngữ													
NN3.1.001.3	Tiếng Anh 1										2	1	

Các HP trong CTĐT		Chuẩn đầu ra												
Mã HP	Học phần	Kiến thức				Kĩ năng						TĐ, NLTC, TN		
						Cứng			Mềm					
		C Đ R 1	C Đ R 2	C Đ R 3	C Đ R 4	C Đ R 5	C Đ R 6	C Đ R 7	C Đ R 8	C Đ R 9	CĐ R1 0	CĐ R1 1	CĐ R1 2	
NN3.1.002.3	Tiếng Anh 2		2									2	1	
NN3.1.003.3	Tiếng Anh 3		2									2	1	
III. Tin học														
TN3.1.501.2	Tin học đại cương		2									2		
IV. Khoa học tự nhiên và xã hội														
TN3.1.122.2	Toán cơ sở		2											
TL3.1.001.2	Tâm lí học đại cương		2											
TL3.1.003.2	Giáo dục học đại cương		2											
V. Giáo dục thể chất (GDTC)														
Bắt buộc														
TC3.1.001.2	Giáo dục thể chất 1 (Bơi lội)	2												
Tự chọn (<i>Chọn 01 trong 8 HP</i>)														
TC3.1.002.2	GDTC 2 – Bóng đá	2												
TC3.1.003.2	GDTC 2 – Bóng bàn	2												
TC3.1.004.2	GDTC 2 – Bóng chuyền	2												

Các HP trong CTĐT		Chuẩn đầu ra											
Mã HP	Học phần	Kiến thức				Kĩ năng						TĐ, NLTC, TN	
						Cứng			Mềm				
		C Đ R 1	C Đ R 2	C Đ R 3	C Đ R 4	C Đ R 5	C Đ R 6	C Đ R 7	C Đ R 8	C Đ R 9	CĐ R1 0	CĐ R1 1	CĐ R1 2
TC3.1.005.2	GDTC 2 – Cầu lông	2											
TC3.1.006.2	GDTC 2 – Võ thuật	2											
TC3.1.007.2	GDTC 2 – Điền kinh	2											
TC3.1.022.2	GDTC 2 – Bóng rổ	2											
TC3.1.023.2	GDTC 2 – Bơi lội	2											
VI. Giáo dục Quốc phòng – An ninh													
TC3.1.018.3	Giáo dục Quốc phòng – An ninh 1	1											
TC3.1.019.2	Giáo dục Quốc phòng – An ninh 2	1											
TC3.1.020.2	Giáo dục Quốc phòng – An ninh 3	1											
TC3.1.021.2	Giáo dục Quốc phòng – An ninh 4	1											
B. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp													
I. Kiến thức cơ sở ngành													
Bắt buộc													

Các HP trong CTĐT		Chuẩn đầu ra												
Mã HP	Học phần	Kiến thức				Kĩ năng						TD, NLTC, TN		
						Cứng			Mềm					
		C Đ R 1	C Đ R 2	C Đ R 3	C Đ R 4	C Đ R 5	C Đ R 6	C Đ R 7	C Đ R 8	C Đ R 9	CĐ R1 0	CĐ R1 1	CĐ R1 2	
LL3.1.005.2	Quản lí hành chính nhà nước và quản lí ngành Giáo dục và Đào tạo	2												1
VD3.1.025.3	Âm nhạc		2	2										
NT3.1.017.2	Mĩ thuật			2									1	
XH3.1.001.2	Tiếng Việt thực hành			3					2				2	
TN3.1.403.2	Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non			3										3
TL3.1.019.3	Sự học và sự phát triển tâm lí trẻ em lứa tuổi mầm non		2											
MN3.1.030.3	Giáo dục học mầm non				2	3			2					
MN3.1.031.2	Nghề giáo viên mầm non				3		2		1					
ĐD3.1.054.3	Vệ sinh phòng bệnh và dinh dưỡng trẻ em			3					2				1	
Tự chọn (<i>chọn 1 trong 2 học phần</i>)														
XH3.1.048.3	Văn học trẻ em và phương pháp đọc kể diễn cảm		3						2				1	
TN3.2.401.3	Môi trường và con người				3	1								2

Các HP trong CTĐT		Chuẩn đầu ra											
Mã HP	Học phần	Kiến thức				Kĩ năng					TĐ, NLTC, TN		
						Cứng			Mềm				
		C Đ R 1	C Đ R 2	C Đ R 3	C Đ R 4	C Đ R 5	C Đ R 6	C Đ R 7	C Đ R 8	C Đ R 9	CĐ R1 0	CĐ R1 1	CĐ R1 2
II. Kiến thức ngành													
Bắt buộc													
MN3.1.033.3	Chương trình và phát triển tổ chức thực hiện chương trình GDMN					3				2		1	
MN3.1.034.3	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình và làm đồ dùng đồ chơi cho trẻ mầm non								3	1		2	
MN3.1.035.3	Phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non			2		3						1	
MN3.1.036.3	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non			2					3			1	
MN3.1.037.2	Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với tác phẩm văn học			2					3			1	
MN3.1.038.3	Phương pháp cho trẻ làm quen với toán			3		3						2	
MN3.1.039.3	Phương pháp cho trẻ mầm non khám phá khoa học về			2		3						1	

Các HP trong CTĐT		Chuẩn đầu ra												
Mã HP	Học phần	Kiến thức				Kĩ năng						TĐ, NLTC, TN		
						Cứng			Mềm					
		C Đ R 1	C Đ R 2	C Đ R 3	C Đ R 4	C Đ R 5	C Đ R 6	C Đ R 7	C Đ R 8	C Đ R 9	CĐ R1 0	CĐ R1 1	CĐ R1 2	
	môi trường xung quanh													
MN3.1.040.2	Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ em			2		2				3				
MN3.1.041.2	Quản lý giáo dục mầm non				2	2				3				
MN3.1.025.2	Đánh giá trong giáo dục mầm non							3					1	1
MN3.1.042.2	Tổ chức hoạt động vui chơi			3		2							3	
Tự chọn (<i>chọn 01 trong 03 học phần</i>)														
MN3.1.043.2	Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho trẻ mầm non			3						2			1	
MN3.1.023.2	Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non			3		3							2	
MN3.1.026.2	Kĩ năng giao tiếp và ứng xử sư phạm của giáo viên mầm non			2						3			1	
Kiến thức bổ trợ														
TL3.1.024.2	Tâm bệnh học		2											
VD3.1.026.2	Múa và phương pháp biên dạy múa cho trẻ		2	2										

Các HP trong CTĐT		Chuẩn đầu ra											
Mã HP	Học phần	Kiến thức				Kĩ năng					TĐ, NLTC, TN		
						Cứng			Mềm				
		C Đ R 1	C Đ R 2	C Đ R 3	C Đ R 4	C Đ R 5	C Đ R 6	C Đ R 7	C Đ R 8	C Đ R 9	CĐ R1 0	CĐ R1 1	CĐ R1 2
MN3.1.016.2	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non			2				2				2	
MN3.1.044.2	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm			2		3			2				
III. Thực tập													
MN3.1.043.4	Thực tập 1			2		3							
MN3.1.044.4	Thực tập 2			2		3							
IV. Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp													
MN3.1.045.3	Giáo dục hành vi văn hoá cho trẻ mầm non			2		3			2				
MN3.1.046.3	Giáo dục hoà nhập				3	2			2				
Tổng số tín chỉ toàn khóa: 105 tín chỉ (Không tính Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng – An ninh)													

9.3. Nội dung chương trình

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số	Số giờ tín chỉ	Học phần
-----	-------------	--------------	----	----------------	----------

			tín chỉ	Lí thuyết	Bài tập, Kiể m tra	Thự c hành , thảo luận	Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, khoá luận tốt nghiệp	tiên quyết
A. Kiến thức giáo dục đại cương			28					
I. Lý luận chính trị			11					
1	LL3.1.040.3	Triết học Mác - Lênin	3	43	2			
2	LL3.1.041.2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	25	5			LL3.1.040.3
3	LL3.1.042.2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	29	1			LL3.1.041.2
4	LL3.1.043.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	10			LL3.1.042.2
5	LL3.1.044.2	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	20	10			LL3.1.043.2
II. Ngoại ngữ			09					
6	NN3.1.001.3	Tiếng Anh 1	3	21	24			
7	NN3.1.002.3	Tiếng Anh 2	3	21	24			NN3.1.001. 3
8	NN3.1.003.3	Tiếng Anh 3	3	21	24			NN3.1.002. 3
III. Tin học			2					
9	TN3.1.501.2	Tin học đại cương	2	15	15			
IV. Khoa học tự nhiên và xã hội			6					
10	TN3.1.122.2	Toán cơ sở	2	15	15			

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Bài tập, Kiểm tra	Thực hành, thảo luận	Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, khóa luận tốt nghiệp	
11	TL3.1.001.2	Tâm lí học đại cương	2	15	15			
12	TL3.1.003.2	Giáo dục học đại cương	2	12	18			TL3.1.001.2
V. Giáo dục thể chất (GDTC)			4					
Bắt buộc								
13	TC3.1.001.2	GDTC 1 – Bơi lội	2	0	30			
Tự chọn (<i>Chọn 1 trong 8 HP</i>)								
14	TC3.1.002.2	GDTC 2 – Bóng đá	2*	02	28			
15	TC3.1.003.2	GDTC 2 – Bóng bàn	2*	01	29			
16	TC3.1.004.2	GDTC 2 – Bóng chuyền	2*	02	28			
17	TC3.1.005.2	GDTC 2 – Cầu lông	2*	02	28			
18	TC3.1.006.2	GDTC 2 – Võ thuật	2*	01	29			
19	TC3.1.007.2	GDTC 2 – Điền kinh	2*	02	28			
20	TC3.1.022.2	GDTC 2 – Bóng rổ	2*	02	28			
21	TC3.1.023.2	GDTC 2 – Bơi lội	2*	02	28			
VI. Giáo dục Quốc phòng – An ninh			9					
22	TC3.1.018.3	Giáo dục Quốc phòng – An	3	45				

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Bài tập, Kiểm tra	Thực hành, thảo luận	Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, khóa luận tốt nghiệp	
		ninh 1						
23	TC3.1.019.2	Giáo dục Quốc phòng – An ninh 2	2	30				
24	TC3.1.020.2	Giáo dục Quốc phòng – An ninh 3	2	14	16			
25	TC3.1.021.2	Giáo dục Quốc phòng – An ninh 4	2	04	56			
B. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			77					
I. Kiến thức cơ sở ngành			25					
Bắt buộc								
26	LL3.1.005.2	Quản lí hành chính nhà nước và quản lí ngành GD và ĐT	2	15	15			LL3.1.040.3
27	VD3.1.025.3	Âm nhạc	3	13	32			
28	NT3.1.017.2	Mĩ thuật	2	11	19			
29	XH3.1.001.2	Tiếng Việt thực hành	2	12	18			
30	TN3.1.403.2	Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non	2	25	5			
31	TL3.1.019.3	Sự học và sự phát triển tâm	3	21	24			

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Bài tập, Kiểm tra	Thực hành, thảo luận	Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, khoá luận tốt nghiệp	
		lí trẻ em lứa tuổi mầm non						
32	MN3.1.030.3	Giáo dục học mầm non	3	30	13		2	TL3.1.003.2
33	MN3.1.031.2	Nghề giáo viên mầm non	2	16	12		2	MN3.1.030.3
34	ĐD3.1.054.3	Vệ sinh phòng bệnh và dinh dưỡng trẻ em	3	29	16			
Tự chọn (<i>chọn 1 trong 2 học phần</i>)								
35	XH3.1.048.3	Văn học trẻ em và phương pháp đọc kể diễn cảm	3*	25	20			
36	TN3.2.401.3	Môi trường và con người	3*	21	7	34		
II. Kiến thức ngành			38					
Bắt buộc			28					
37	MN3.1.033.3	Chương trình và phát triển tổ chức thực hiện chương trình Giáo dục mầm non	3	21	24			MN3.1.030.3
38	MN3.1.034.3	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình và làm đồ dùng đồ chơi cho trẻ mầm non	3	11	31			NT3.1.017.2

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Bài tập, Kiểm tra	Thự c hành , thảo luận	Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, khoá luận tốt nghiệp	
39	MN3.1.035.3	Phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non	3	18	24		9	VD3.1.025. 3
40	MN3.1.036.3	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	3	24	19		9	XH3.1.001.2
41	MN3.1.037.2	Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với tác phẩm văn học	2	18	10		6	XH3.1.001.2
42	MN3.1.038.3	Phương pháp cho trẻ làm quen với toán	3	22	19		4	TN3.1.122. 2
43	MN3.1.039.3	Phương pháp cho trẻ mầm non khám phá khoa học về môi trường xung quanh	3	19	23		9	MN3.1.030. 3
44	MN3.1.040.2	Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ em	2	13	15		2	MN3.1.030. 3
45	MN3.1.041.2	Quản lý giáo dục mầm non	2	20	10			MN3.1.030. 3
46	MN3.1.025.2	Đánh giá trong giáo dục mầm non	2	16	14			MN3.1.030. 3; MN3.1.033. 3

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Bài tập, Kiểm tra	Thực hành, thảo luận	Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, khóa luận tốt nghiệp	
47	MN3.1.042.2	Tổ chức hoạt động vui chơi	2	15	15			MN3.1.030.3; MN3.1.034.3
Tự chọn (<i>chọn 01 trong 03 học phần</i>)			2					
48	MN3.1.043.2	Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho trẻ mầm non	2*	15	15			
49	MN3.1.023.2	Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non	2*	16	12		2	
50	MN3.1.026.2	Kỹ năng giao tiếp và ứng xử sư phạm của giáo viên mầm non	2*	16	14			
Kiến thức bổ trợ			8					
51	TL3.1.024.2	Tâm bệnh học	2	14	16			
52	VD3.1.026.2	Múa và phương pháp biên dạy múa cho trẻ	2	02	28			VD3.1.025.3
53	MN3.1.016.2	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non	2	15	15			MN3.1.030.3
54	MN3.1.044.2	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	2	4	11		45	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Bài tập, Kiểm tra	Thực hành, thảo luận	Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, khoá luận tốt nghiệp	
III. Thực tập			8					
55	MN3.1.043.4	Thực tập 1	4				200	
56	MN3.1.044.4	Thực tập 2	4				200	MN3.1.043.4
IV. Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp			6					
57	MN3.1.045.3	Giáo dục hành vi văn hoá cho trẻ mầm non	3	24	21			MN3.1.030.3
58	MN3.1.046.3	Giáo dục hoà nhập	3	24	16		5	MN3.1.030.3
59	Khóa luận tốt nghiệp		06					
Tổng số tín chỉ toàn khóa: 105 tín chỉ (Không tính Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng – An ninh)								

(Ghi chú: Dấu * là kí hiệu cho các học phần tự chọn)

9.4. Kế hoạch giảng dạy

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Số TC	Học kỳ					
					1	2	3	4	5	6

1	TC3.1.001.2	GDTC 1 – Bơi lội		2	2					
2	LL3.1.040.3	Triết học Mác – Lênin		3	3					
3	NN3.1.001.3	Tiếng Anh 1		3	3					
4	TN3.1.122.2	Toán cơ sở		2	2					
5	TN3.1.501.2	Tin học đại cương		2	2					
6	TL3.1.001.2	Tâm lí học đại cương		2	2					
7	TL3.1.003.2	Giáo dục học đại cương	TL3.1.001.2	2	2					
8	VD3.1.025.3	Âm nhạc		3	3					
9	TN3.1.403.2	Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non		2	2					
<i>Tự chọn (chọn 1 trong 8 học phần)</i>										
10	TC3.1.002.2	GDTC 2 – Bóng đá		2*		2*				
11	TC3.1.003.2	GDTC 2 – Bóng bàn		2*		2*				
12	TC3.1.004.2	GDTC 2 – Bóng chuyền		2*		2*				
13	TC3.1.005.2	GDTC 2 – Cầu lông		2*		2*				
14	TC3.1.006.2	GDTC 2 – Võ thuật		2*		2*				
15	TC3.1.007.2	GDTC 2 – Điền kinh		2*		2*				
16	TC3.1.022.2	GDTC 2 – Bóng rổ		2*		2*				
17	TC3.1.023.2	GDTC 2 – Bơi lội		2*		2*				

18	LL3.1.041.2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	LL3.1.040.3	2		2				
19	LL3.1.042.2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	LL3.1.041.2	2		2				
20	NN3.1.002.3	Tiếng Anh 2	NN3.1.001.3	3		3				
21	NT3.1.017.2	Mĩ thuật		2		2				
22	TL3.1.019.3	Sự học và sự phát triển tâm lí trẻ em lứa tuổi mầm non		3		3				
23	MN3.1.030.3	Giáo dục học mầm non	TL3.1.003.2	3		3				
24	ĐD3.1.054.3	Vệ sinh phòng bệnh và dinh dưỡng trẻ em		3		3				
25	LL3.1.043.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LL3.1.042.2	2			2			
26	NN3.1.003.3	Tiếng Anh 3	NN3.1.002.3	3			3			
27	XH3.1.001.2	Tiếng Việt thực hành		2			2			
28	MN3.1.034.3	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình và làm đồ dùng đồ chơi cho trẻ mầm non	NT3.1.017.2	3			3			
29	MN3.1.044.2	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm					2			
30	VD3.1.026.2	Múa và phương pháp biên dạy múa cho trẻ	VD3.1.025.3	2			2			
<i>Tự chọn (chọn 1 trong 2 học phần)</i>										

31	XH3.1.048.3	Văn học trẻ em và phương pháp đọc kể diễn cảm		3*			3*			
32	TN3.2.401.3	Môi trường và con người		3*			3*			
33	TC3.1.018.3	Giáo dục Quốc phòng – An ninh 1		3						
34	TC3.1.019.2	Giáo dục Quốc phòng – An ninh 2		2						
35	TC3.1.020.2	Giáo dục Quốc phòng – An ninh 3		2						
36	TC3.1.021.2	Giáo dục Quốc phòng – An ninh 4		2						
37	LL3.1.044.2	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	LL3.1.043.2	2				2		
38	MN3.1.035.3	Phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non	VD3.1.025.3	3				3		
39	MN3.1.037.2	Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với tác phẩm văn học	XH3.1.001.2	2				2		
40	MN3.1.038.3	Phương pháp cho trẻ làm quen với toán	TN3.1.122.2	3				3		
41	MN3.1.039.3	Phương pháp cho trẻ mầm non khám phá khoa học về môi trường xung quanh	MN3.1.030.3	3				3		
42	MN3.1.016.2	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo	MN3.1.030.3	2				2		

		dục mầm non								
43	MN3.1.043.4	Thực tập 1		4				4		
44	LL3.1.005.2	Quản lí hành chính nhà nước và quản lí ngành Giáo dục và Đào tạo	LL3.1.040.3	2					2	
45	MN3.1.031.2	Nghề giáo viên mầm non	MN3.1.030.3	2					2	
46	MN3.1.033.3	Chương trình và phát triển tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non	MN3.1.030.3	3					3	
47	MN3.1.036.3	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	XH3.1.001.2	3					3	
48	MN3.1.042.2	Tổ chức hoạt động vui chơi	MN3.1.030.3; MN3.1.034.3	2					2	
49	MN3.1.040.2	Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ em	MN3.1.030.3	2					2	
<i>Tự chọn (chọn 1 trong 3 học phần)</i>										
50	MN3.1.043.2	Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho trẻ mầm non		2*					2*	
51	MN3.1.023.2	Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non		2*					2*	
52	MN3.1.026.2	Kĩ năng giao tiếp và ứng xử sư phạm của		2*					2*	

		giáo viên mầm non								
53	MN3.1.041.2	Quản lý giáo dục mầm non	MN3.1.030.3	2						2
54	MN3.1.025.2	Đánh giá trong giáo dục mầm non	MN3.1.030.3; MN3.1.033.3	2						2
55	MN3.1.044.4	Thực tập 2	MN3.1.043.4	4						4
56	TL3.1.024.2	Tâm bệnh học		2						2
57	MN3.1.045.3	Giáo dục hành vi văn hoá cho trẻ mầm non	MN3.1.030.3	3						3
58	MN3.1.046.3	Giáo dục hoà nhập	MN3.1.030.3	3						3
59		Khóa luận tốt nghiệp		6						6
Cộng: 105 tín chỉ (<i>không tính Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh</i>)					19	18	17	19	16	16

9.5. Bản đồ dạy học (file riêng)

9.6. Tóm tắt nội dung học phần

9.6.1. Triết học Mác – Lênin: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần gồm 3 chương: Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội; Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm những vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng; Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

9.6.2. Kinh tế chính trị Mác – Lênin: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác - Lênin

Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về Kinh tế chính trị Mác – Lênin như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

9.6.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế chính trị Mác - Lênin

Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về Chủ nghĩa xã hội khoa học như: sứ mệnh lịch sử giai cấp công nhân, liên minh giai cấp, cách mạng xã hội chủ nghĩa, những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội để từ đó người học có lý luận, phương pháp luận đánh giá được thực tiễn chủ nghĩa xã hội trên thế giới và trong nước.

9.6.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Chủ nghĩa xã hội khoa học

Học phần bao gồm các nội dung cơ bản: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam và nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hoá, đạo đức, con người.

9.6.5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930- 1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành tựu, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng.

9.6.6. Tiếng Anh 1: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần gồm các kiến thức cơ bản về thi hiện tại đơn, sở hữu, đại từ chỉ định; sở thích cá nhân, hoạt động thời gian rảnh rỗi; mô tả về bản thân, gia đình, công việc, khả năng của bản thân bằng Tiếng Anh.

9.6.7. Tiếng Anh 2: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 1

Học phần gồm các kiến thức cơ bản về thì quá khứ đơn, hiện tại tiếp diễn; cách đưa ra ý kiến cá nhân, cách thể hiện mong muốn, sở thích, cách xác định vị trí, cách mô tả cảm xúc, và mô tả tranh, và mô tả một chuyến đi với các chủ đề thức ăn, thời trang, diện mạo bề ngoài bằng Tiếng Anh.

9.6.8. Tiếng Anh 3: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 2

Học phần này gồm các kiến thức ngữ pháp, ngữ âm và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong các tình huống giao tiếp cụ thể; Trang bị cho người học lượng từ vựng một cách đầy đủ về các chủ đề quen thuộc của đời sống hàng ngày như du lịch, phim và nghệ thuật,... Học phần cung cấp cho người học các cấu trúc ngữ pháp về thi hiện tại hoàn thành, quá khứ đơn, ... ; Cung cấp cho người học luyện các kỹ năng tiếng Anh và thực hành làm các bài thi dạng A2.

9.6.9. Tin học đại cương: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này bao gồm các kiến thức cơ bản về máy tính, phần mềm ứng dụng Microsoft Office (biết tạo và xử lý văn bản bằng phần mềm MS Word, tạo và xử lý bảng tính MS Excel, thiết kế trang trình diễn với phần mềm PowerPoint) và mạng máy tính, Internet.

9.6.10. Toán cơ sở: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này bao gồm các kiến thức về : Tập hợp, quan hệ, ánh xạ, số tự nhiên.

9.6.11. Tâm lý học đại cương: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần bao gồm các kiến thức: Tâm lí học là một khoa học; Hoạt động, giao tiếp và sự hình thành, phát triển tâm lí; Sự hình thành và phát triển tâm lí, ý thức; Hoạt động nhận thức; Tình cảm và ý chí; Trí nhớ; Nhân cách và sự hình thành, phát triển nhân cách.

9.6.12. Giáo dục học đại cương: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Tâm lí học đại cương

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức về: bản chất, chức năng, nhiệm vụ của giáo dục, vai trò của giáo dục đối với sự phát triển nhân cách con người, cung cấp cho người học những hiểu biết về: mục đích giáo dục, nguyên lý giáo dục, và hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam.

9.6.13. Giáo dục thể chất 1 – Bơi lội: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kĩ năng cơ bản về bơi lội, phòng chống đuối nước; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

9.6.14. Giáo dục thể chất 2- Bóng đá: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kĩ năng cơ bản về bóng đá; một số điểm luật, cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

9.6.15. Giáo dục thể chất 2- Bóng bàn: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kĩ năng cơ bản môn bóng bàn; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

9.6.16. Giáo dục thể chất 2- Bóng chuyền: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kĩ năng cơ bản về môn bóng chuyền, cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

9.6.17. Giáo dục thể chất 2- Cầu lông: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về môn cầu lông; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

9.6.18. Giáo dục thể chất 2- Võ thuật: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về môn võ Vovinam, phòng chống chấn thương và tự vệ trong cuộc sống; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

9.6.19. Giáo dục thể chất 2- Điền kinh: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về môn điền kinh, cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

9.6.20. Giáo dục thể chất 2- Bóng rổ: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về môn bóng rổ, cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

9.6.21. Giáo dục thể chất 2- Bơi lội: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về bơi lội, phòng chống đuối nước; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.

9.6.22. Giáo dục quốc phòng – An ninh 1: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về chủ trương, đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng, Nhà nước về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an

ninh nhân dân và công tác quốc phòng an ninh trong tình hình mới; hình thành phẩm chất đạo đức, yêu chủ nghĩa xã hội, nâng cao ý thức trách nhiệm và tinh thần đoàn kết.

9.6.23. Giáo dục quốc phòng – An ninh 2: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về công tác phòng, chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam, những quy định của pháp luật về một số vấn đề xã hội.

9.6.24. Giáo dục quốc phòng – An ninh 3: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về các quy định nền nếp, nội vụ, điều lệnh; lịch sử, truyền thống Quân đội nhân dân Việt Nam; Nội dung, bản chất của một số kỹ năng cơ bản trong chiến đấu. Hình thành kỹ năng quân sự chung, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ đối với Tổ quốc.

9.6.25. Giáo dục quốc phòng – An ninh 4: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Học xong học phần Giáo dục quốc phòng – An ninh 1,2,3

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về tính năng, cấu tạo, nguyên lý sử dụng, bảo quản một số loại vũ khí bộ binh thông thường; Nguyên lý kỹ thuật chiến đấu cá nhân; Các quy định khi thực hiện một số nhiệm vụ trong quân đội. Sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

9.6.26. Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác – Lênin

Học phần Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành GD&ĐT gồm 30 tiết (2 tín chỉ) có các nội dung: Một số vấn đề cơ bản về nhà nước, quản lý hành chính nhà nước và công vụ, công chức, viên chức; Đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo; Luật Giáo dục; Điều lệ, quy chế, quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo đối với giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông; Điều lệ, quy chế, quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo đối với giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông; Thực tiễn giáo dục địa phương.

9.6.27. Âm nhạc: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần bao gồm những kiến thức về Lý thuyết âm nhạc cơ bản, phương pháp xướng âm và học hát các bài hát lứa tuổi mầm non theo các chủ đề ở trường Mầm non.

9.6.28. Mĩ thuật: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức về những kiến thức chung của nghệ thuật tạo hình; kiến thức về hình họa, trang trí; phóng tranh, vẽ tranh theo đề tài, tranh minh họa; tranh xé - cắt - dán và kỹ thuật xé - cắt - dán; nặn.

9.6.29. Tiếng việt thực hành : 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học bao gồm các kiến thức về rèn luyện kỹ năng đọc và đọc hiểu văn bản, rèn luyện kỹ năng nghe - nói, rèn luyện kỹ năng viết chữ ; kỹ năng dùng từ, đặt câu chuẩn tiếng Việt.

9.6.30. Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần gồm các kiến thức về đặc điểm cấu tạo, chức năng và quá trình sinh lí của các cơ quan, hệ cơ quan trong cơ thể trẻ em; các biện pháp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em một cách khoa học, phù hợp với lứa tuổi.

9.6.31. Sự học và sự phát triển tâm lí trẻ em lứa tuổi mầm non: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức về: Đối tượng, nhiệm vụ nghiên cứu của Tâm lý học trẻ em, những quy luật cơ bản của sự phát triển tâm lý trẻ em; các dạng hoạt động của trẻ mầm non (từ 0 đến 6 tuổi) và đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ em qua các giai đoạn sơ sinh, hài nhi, ấu nhi, mẫu giáo, mẫu giáo nhỡ, mẫu giáo lớn (từ 0 đến 6 tuổi).

9.6.32. Giáo dục học mầm non: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học đại cương

Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về những vấn đề lý luận chung của giáo dục mầm non; về sự phối hợp giữa gia đình và nhà trường trong việc giáo

dục trẻ; về tổ chức các hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề và tổ chức chuẩn bị cho trẻ vào lớp một.

9.6.33. Nghề giáo viên mầm non: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học mầm non

Học phần gồm những kiến thức chung về nghề giáo viên mầm non; Các hoạt động sư phạm của giáo viên mầm non; cách giao tiếp, ứng xử sư phạm và nhân cách cần thiết của người giáo viên mầm non; các hoạt động học tập và rèn luyện hình thành nhân cách người giáo viên.

9.6.34. Vệ sinh phòng bệnh và dinh dưỡng trẻ em: 3TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này bao gồm các kiến thức cơ bản về: Vệ sinh trẻ em: vệ sinh trường mầm non, vệ sinh chăm sóc trẻ; Kiến thức về phòng bệnh trẻ em: các bệnh thường gặp ở trẻ em, bệnh chuyên khoa, bệnh truyền nhiễm, cách phòng và sơ cứu ban đầu một số bệnh thường gặp,...Đồng thời cung cấp các kiến thức về dinh dưỡng trẻ em lứa tuổi nhà trẻ và mẫu giáo: cách xây dựng khẩu phần, thực đơn, giáo dục dinh dưỡng sức khỏe cho trẻ mầm non theo hướng tích hợp.

9.6.35. Văn học trẻ em và phương pháp đọc kể diễn cảm: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần gồm các kiến thức về văn học viết cho trẻ em ở Việt Nam; thơ do trẻ em viết ở Việt Nam; văn học thiếu nhi nước ngoài; vai trò của văn học thiếu nhi đối với việc giáo dục trẻ lứa tuổi mầm non; nghệ thuật và kĩ thuật đọc, kể tác phẩm văn học cho trẻ lứa tuổi mầm non.

9.6.36. Môi trường và con người: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này bao gồm những kiến thức cơ bản về môi trường; sự gia tăng dân số và các vấn đề ô nhiễm môi trường; những giải pháp thích hợp để đạt tới sự hài hòa giữa con người và thiên nhiên trong phát triển bền vững.

9.6.37. Chương trình và phát triển tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học mầm non

Học phần gồm các kiến thức về chương trình giáo dục nhà trẻ và chương trình giáo dục mẫu giáo, Phát triển chương trình GDMN, lập kế hoạch tổ chức thực hiện CT GDMN, tổ chức các hoạt động GD tích hợp theo chủ đề, xây dựng MTGD trong trường MN, đánh giá việc thực hiện chương trình GDMN.

9.6.38. Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình và làm đồ dùng đồ chơi cho trẻ mầm non: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Mĩ thuật

Môn học cung cấp cho sinh viên những vấn đề lý luận cơ bản về: ý nghĩa, nhiệm vụ và đặc điểm của hoạt động tạo hình, ý nghĩa, tác dụng của đồ dùng đồ chơi; áp dụng đồ dùng đồ chơi vào hoạt động dạy học, hoạt động vui chơi của trẻ mầm non; Phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non theo các thể loại; Kế hoạch tổ chức, đánh giá hoạt động tạo hình trong trường mầm non.

9.6.39. Phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Âm nhạc

Học phần trang bị cho người học những vấn đề cơ bản về vai trò, khả năng âm nhạc của trẻ mầm non, các phương pháp, hình thức và cách thiết kế, tổ chức các hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non.

9.6.40. Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Việt thực hành

Học phần gồm có kiến thức về những vấn đề lý luận chung; nhiệm vụ, hình thức, phương pháp cơ bản phát triển ngôn ngữ; giáo dục chuẩn mực ngữ âm Tiếng Việt; hình thành phát triển vốn từ; dạy trẻ sử dụng các mẫu câu Tiếng Việt; phát triển lời nói mạch lạc, cho trẻ làm quen với tác phẩm văn chương; chuẩn bị cho trẻ học Tiếng Việt ở trường tiểu học.

9.6.41. Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với tác phẩm văn học: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Việt thực hành

Học phần gồm có kiến thức về những vấn đề lý luận chung; các phương pháp cơ bản cho trẻ làm quen thơ truyện; tổ chức các hoạt động cho trẻ làm quen với thơ truyện; sử dụng thơ truyện trong tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp ở trường mầm non và lập kế hoạch, tập giảng.

9.6.42. Phương pháp cho trẻ làm quen với toán: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Toán cơ sở

Học phần này bao gồm những kiến thức cơ bản về lí luận và phương pháp hình thành biểu tượng toán học về: Tập hợp, số lượng, phép đếm; biểu tượng kích thước, biểu tượng hình dạng, biểu tượng về định hướng trong không gian và thời gian cho trẻ mẫu giáo.

9.6.43. Phương pháp cho trẻ mầm non khám phá khoa học về môi trường xung quanh: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học mầm non

Học phần cung cấp cho người học những nội dung cơ bản về: Một số khái niệm (môi trường thiên nhiên, môi trường xã hội); ý nghĩa của việc cho trẻ khám phá khoa học và môi trường xung quanh; đặc điểm nhận thức của trẻ về môi trường xung quanh; mục đích, nhiệm vụ, nguyên tắc, nội dung, phương pháp, hình thức, điều kiện, phương tiện và cách tổ chức cho trẻ khám phá khoa học về môi trường xung quanh.

9.6.44. Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ em: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học mầm non

Học phần này gồm những vấn đề cơ bản về giáo dục thể chất; Đặc điểm phát triển thể chất và nhiệm vụ giáo dục thể chất cho trẻ mầm non; Nội dung, phương pháp và phương tiện giáo dục thể chất cho trẻ mầm non; Các hình thức giáo dục thể chất cho trẻ; Công tác tổ chức giáo dục thể chất cho trẻ ở trường mầm non.

9.6.45. Quản lý giáo dục mầm non: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học mầm non

Học phần gồm những kiến thức về quản lý giáo dục; quản lý trường mầm non; giáo viên mầm non và công tác quản lý nhóm lớp trong trường mầm non; Từ những kiến thức đó, người học vận dụng vào thực tiễn những công việc trong quản lý giáo dục mầm non hiện nay.

9.6.46. Đánh giá trong giáo dục mầm non: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học mầm non; Chương trình và phát triển tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non

Học phần gồm các kiến thức về đánh giá trong giáo dục mầm non: Khái niệm, ý nghĩa, nguyên tắc, nội dung, hình thức, phương pháp và các kỹ thuật đánh giá; Sử dụng

các biện pháp và kỹ thuật đánh giá nhằm đánh giá các vấn đề cơ bản trong giáo dục mầm non như: Cơ sở giáo dục mầm non, chương trình giáo dục mầm non, hoạt động nghề nghiệp của giáo viên mầm non và sự phát triển của trẻ mầm non.

9.6.47. Tổ chức hoạt động vui chơi: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học mầm non

Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về hoạt động vui chơi và tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ ở trường mầm non: trò chơi đóng vai có chủ đề, trò chơi đóng kịch, trò chơi lắp ghép-xây dựng, trò chơi học tập, trò chơi vận động, trò chơi dân gian, trò chơi điện tử.

9.6.48. Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho trẻ mầm non: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trình bày những vấn đề chung về hoạt động trải nghiệm của trẻ mầm non, tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho trẻ về quy trình, yêu cầu, phương pháp và tổ chức môi trường cho trẻ trải nghiệm. Trên cơ sở đó, giúp sinh viên có thể vận dụng tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non.

14.49. Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này bao gồm những kiến thức cơ bản về một số vấn đề chung về giáo dục môi trường; cơ sở khoa học của giáo dục môi trường cho trẻ mầm non; các quá trình giáo dục môi trường ở trường mầm non

9.6.50. Kỹ năng giao tiếp và ứng xử sư phạm của giáo viên mầm non: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp những kiến thức chung, những đặc trưng cơ bản về kỹ năng giao tiếp và ứng xử sư phạm của giáo viên mầm non; Rèn luyện các kỹ năng giao tiếp và ứng xử sư phạm của giáo viên mầm non để xử lý các tình huống thường gặp với trẻ, với đồng nghiệp và với cha mẹ trẻ.

9.6.51. Tâm bệnh học: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức về:

a) Khái niệm về tâm bệnh học, quá trình khôn lớn của trẻ dưới 6 tuổi, những nhu cầu cơ bản của trẻ, các mối quan hệ của trẻ và sự thích nghi các mối quan hệ

b) Những rối nhiễu tâm lý ở trẻ

c) Các loại tâm pháp cơ bản trong chăm chữa đối với trẻ (khái niệm về tâm lý trị liệu, những hình thức chăm chữa, những biện pháp phòng ngừa tâm bệnh lý, những yêu cầu đối với giáo viên)

9.6.52. Múa và phương pháp biên dạy múa cho trẻ: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Âm nhạc

Học phần bao gồm kiến thức khái quát về nghệ thuật múa, giới thiệu một số động tác múa dân gian cơ bản của một số dân tộc Việt Nam như: Kinh, Thái, Tày, H'mông, Tây Nguyên và một số động tác múa Bale cơ bản. Người học biết biên đạo những tiết mục múa cho trẻ Mầm non.

9.6.53. Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học mầm non

Học phần gồm các kiến thức sau : Những vấn đề chung trong nghiên cứu trẻ em ; Các phương pháp nghiên cứu trẻ em ; Các bước tiến hành một công trình nghiên cứu khoa học

9.6.54. Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần củng cố cho sinh viên những hiểu biết chung về công việc của giáo viên mầm non, về trường lớp mầm non; hướng dẫn sinh viên thực hành lập kế hoạch, tổ chức và đánh giá các hoạt động chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non theo các lĩnh vực phát triển và chủ đề giáo dục.

9.6.55. Thực tập 1: 4 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần gồm các hoạt động: tìm hiểu tình hình thực tế giáo dục hiện nay; thực tập hoạt động chăm sóc và giảng dạy các môn học; làm công tác chủ nhiệm lớp. Viết báo cáo thu hoạch của sinh viên thực tập.

9.6.56. Thực tập 2: 4 TC

Điều kiện tiên quyết: Thực tập 1

Học phần gồm các hoạt động: tìm hiểu thực tế giáo dục địa phương, tình hình thực tế giáo dục ở trường mầm non hiện nay; thực tập hoạt động chăm sóc và giảng dạy các môn học; làm công tác chủ nhiệm lớp. Viết báo cáo thu hoạch của sinh viên thực tập.

9.6.57. Giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học mầm non

Học phần cung cấp những kiến thức chung về hành vi văn hóa; quá trình giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non; tổ chức hoạt động giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ ở trường mầm non.

9.6.58. Giáo dục hòa nhập: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học mầm non

Học phần gồm những kiến thức về những vấn đề lý luận chung về trẻ khuyết tật và giáo dục hòa nhập: Khái niệm, đặc điểm từng nhóm trẻ khuyết tật, cách thức hỗ trợ các nhóm trẻ này khi tổ chức môi trường và hoạt động trong lớp hòa nhập ở trường mầm non

10. SO SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non đã được đối sánh về chuẩn đầu ra và nội dung đào tạo với các trường cao đẳng làm cơ sở đánh giá, cải tiến, phát triển CTĐT gồm:

Nội dung	CTĐT Giáo dục Mầm non năm 2022 của Trường Đại học Tân Trào	CTĐT Giáo dục Mầm non năm 2022 của Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Giang
Tên chương trình	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non
Loại hình đào tạo	Chính quy	Chính quy
Thời gian đào tạo	03	03
Tổng số tín chỉ/ Số học phần: <i>(không tính phần giáo dục thể chất và quốc phòng - an ninh)</i> . Trong đó:	105	106

- Khối kiến thức giáo dục đại cương	28/105	22/106
- Khối kiến thức cơ sở của ngành	25/105	21/106
- Khối kiến thức ngành	38/105	38/106
- Thực tập/Thực hành nghề nghiệp	8/105	19/106
- Khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp	6/105	6/106

Kết quả đối sánh cho thể thấy: Chương trình đào tạo của Trường Đại học Tân Trào, Trường CĐ Sư phạm Hà Giang tương đối tương đồng về mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra, thời gian đào tạo. Tuy nhiên, chương trình đào tạo của hai trường cũng có những điểm khác nhau.

+ Khối lượng kiến thức toàn khóa của CTĐT ngành GDMN hệ Cao đẳng của Trường Đại học Tân Trào là (105 tín chỉ) ít Trường CĐSP Hà Giang (01 tín chỉ). Tuy có sự chênh lệch về số tín chỉ nhưng các khối kiến thức trong chương trình đào tạo của mỗi Nhà trường có những ưu điểm riêng trong việc xác định lựa chọn các học phần.

+ Trong CTĐT của Trường Đại học Tân Trào, các học phần khối kiến thức giáo dục đại cương; kiến thức cơ sở ngành; kiến thức ngành có số tín chỉ gần tương đương với Trường được đối sánh. Điều này cho phép sinh viên có nền tảng kiến thức sâu; đồng thời, được lựa chọn các học phần phù hợp với năng lực của bản thân.

Như vậy, Chương trình đào tạo ngành GD Mầm Non trình độ Cao đẳng hệ chính quy do Trường Đại học Tân Trào xây dựng so với Trường Cao đẳng khác, có thể khẳng định: chương trình đào tạo của Trường Đại học Tân Trào là hợp lí, đảm bảo được những quy định chung trong các văn bản pháp quy và đáp ứng được yêu cầu của xã hội.

11. PHÊ DUYỆT BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO/THỜI ĐIỂM ĐIỀU CHỈNH BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non đã được xây dựng/điều chỉnh, kiểm tra, phê duyệt và ban hành theo đúng quy trình, quy định của Trường Đại học Tân Trào.